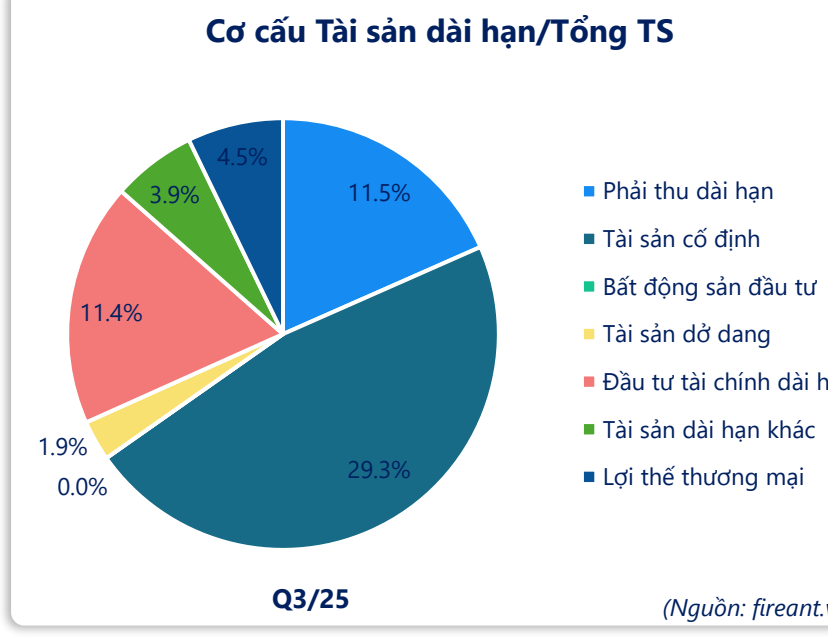
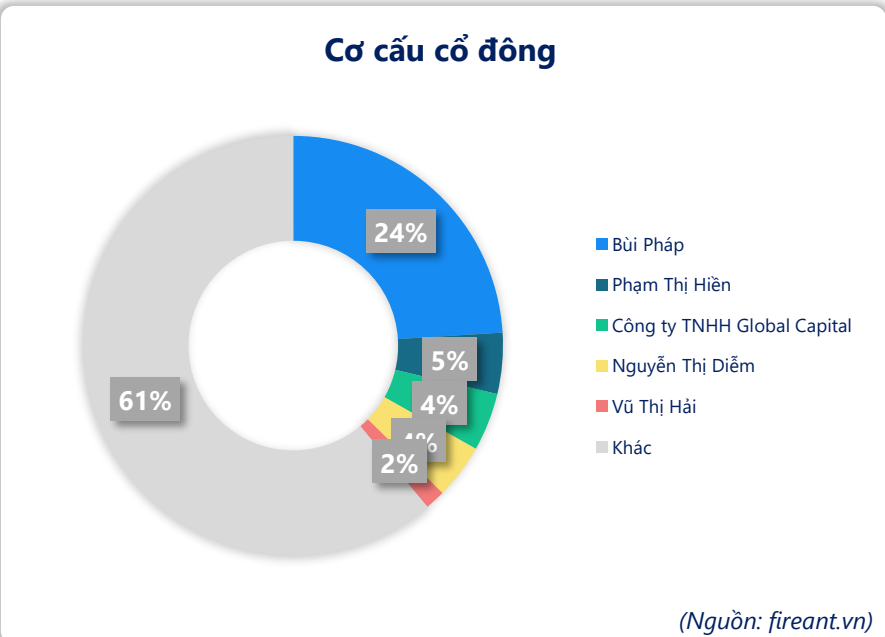
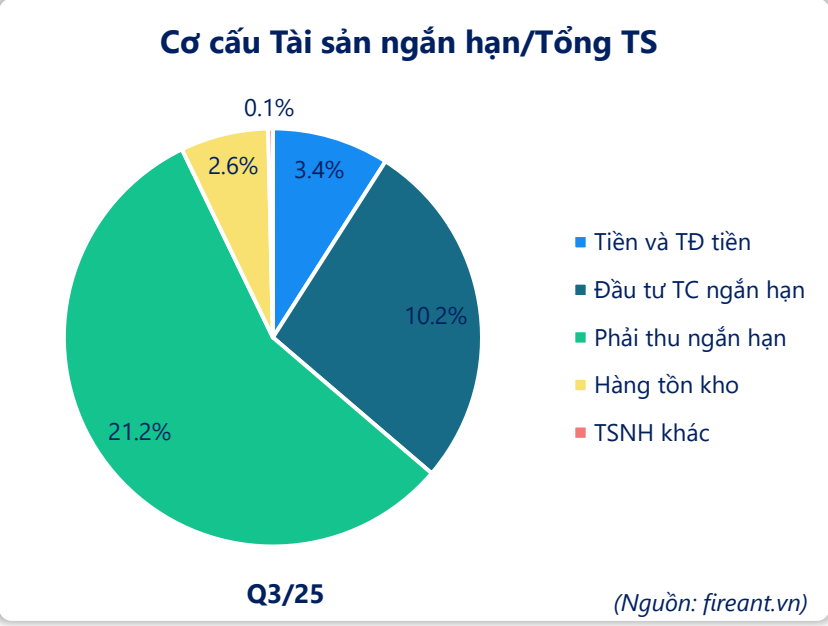
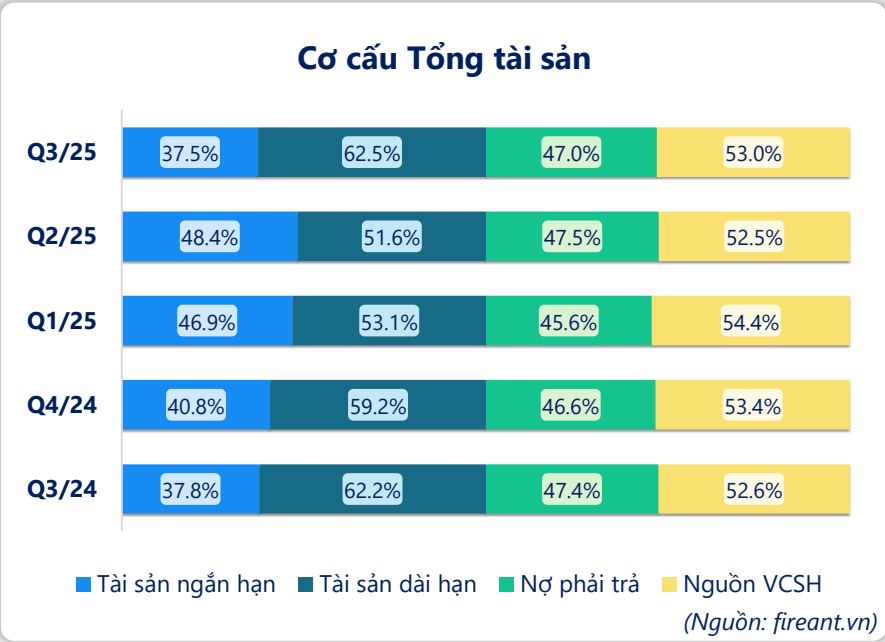
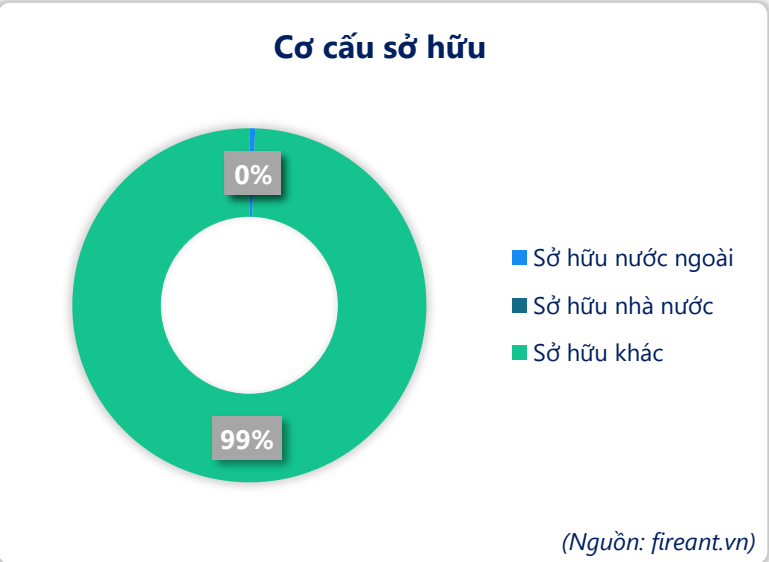
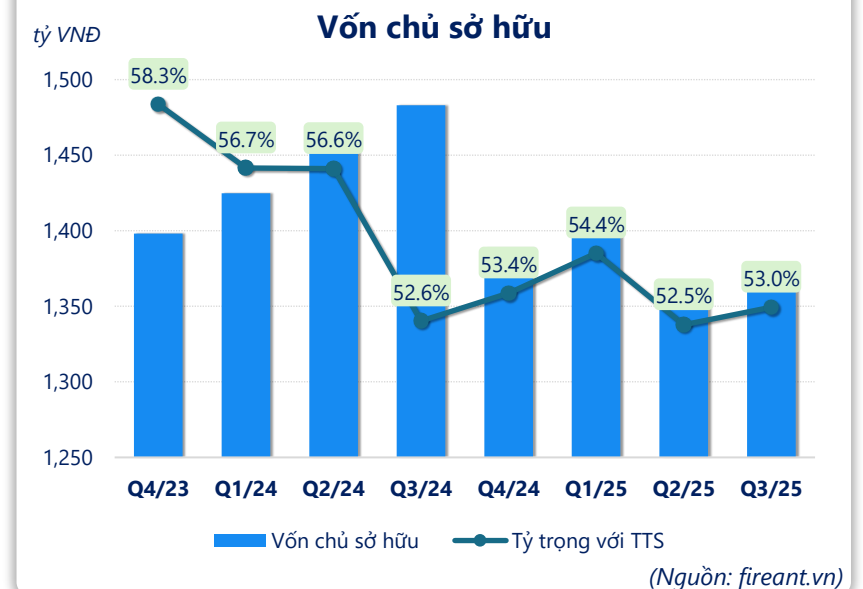
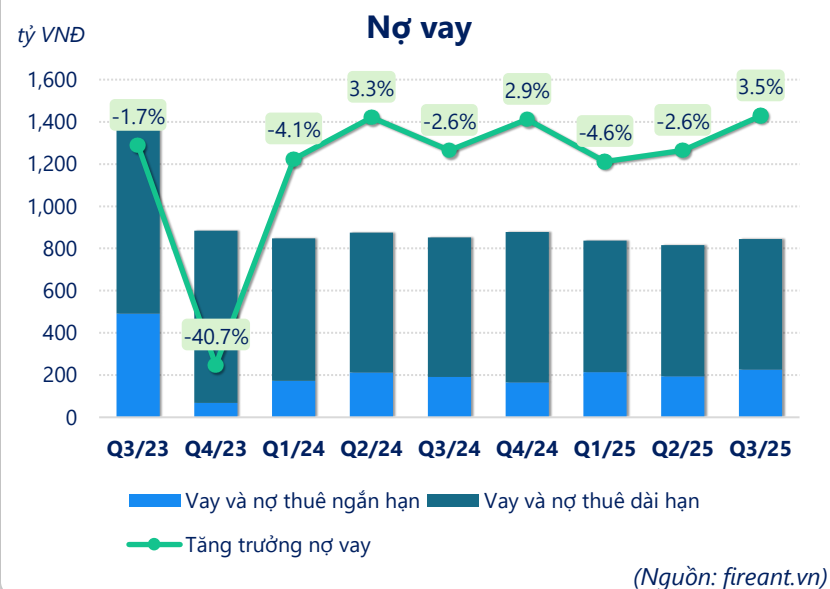
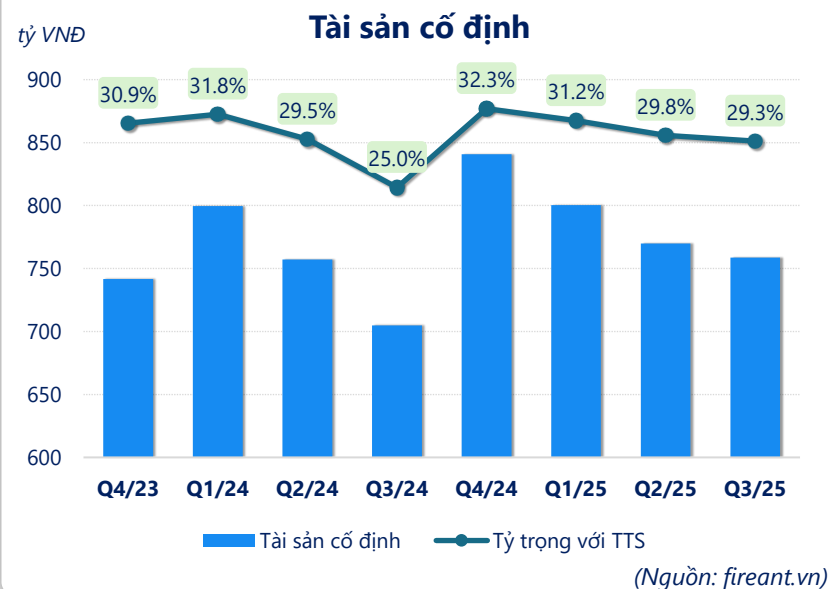
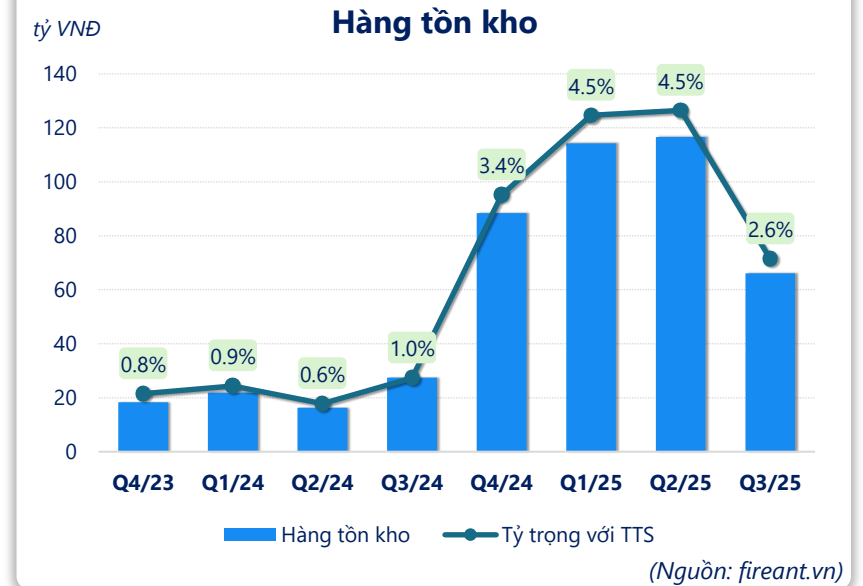
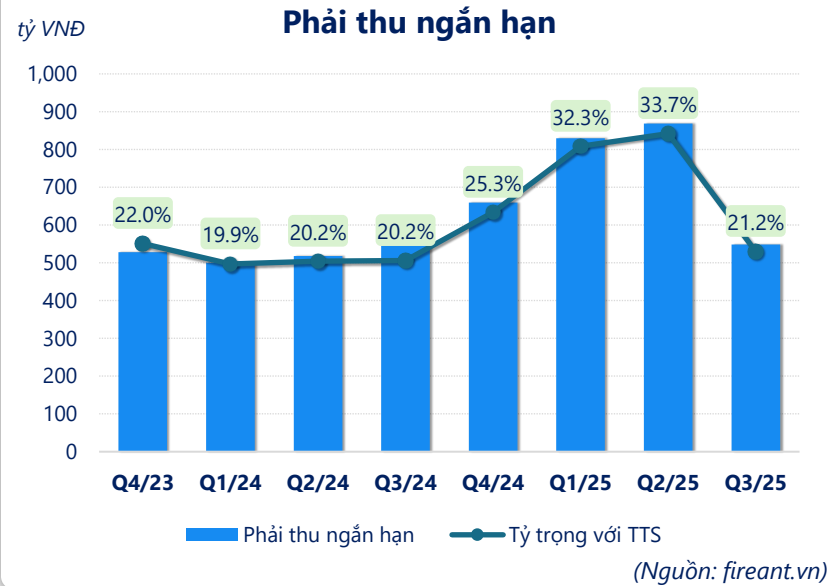
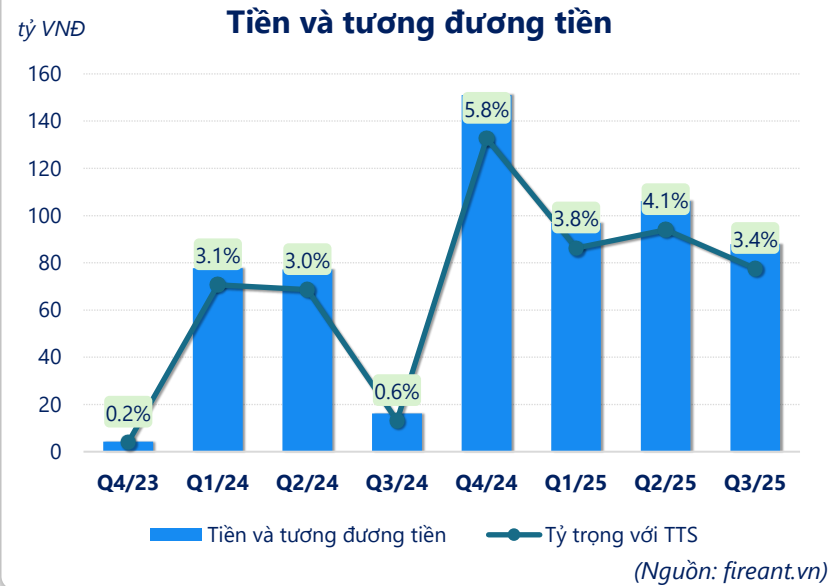
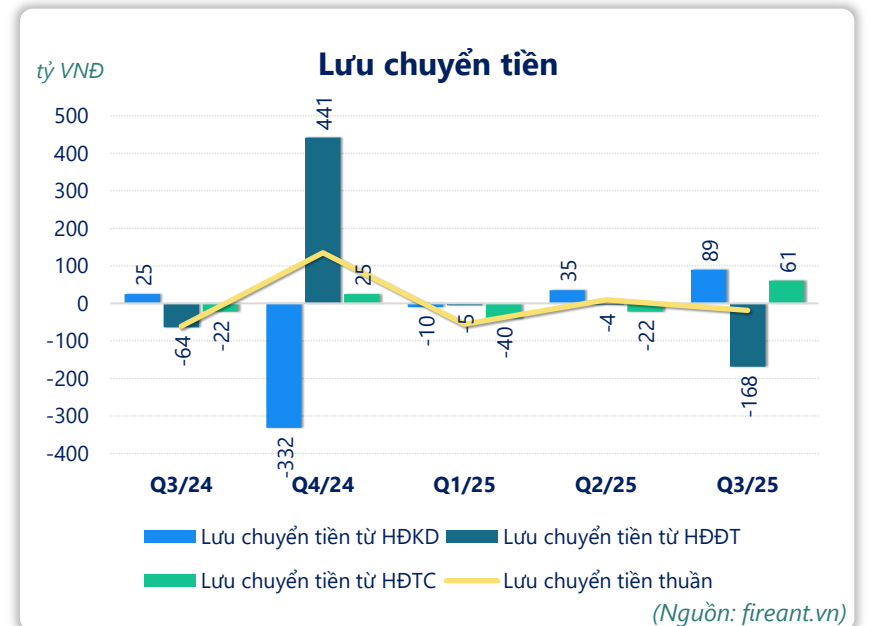
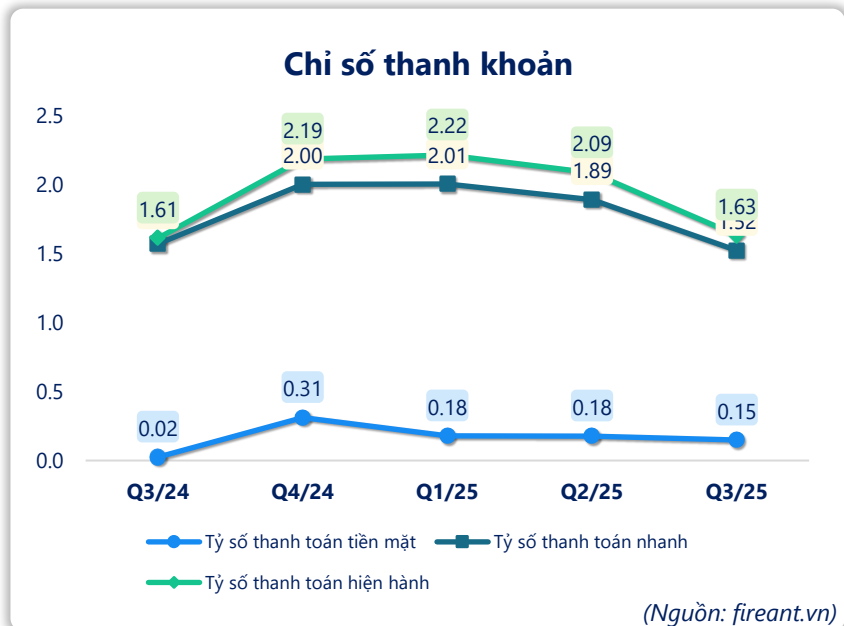
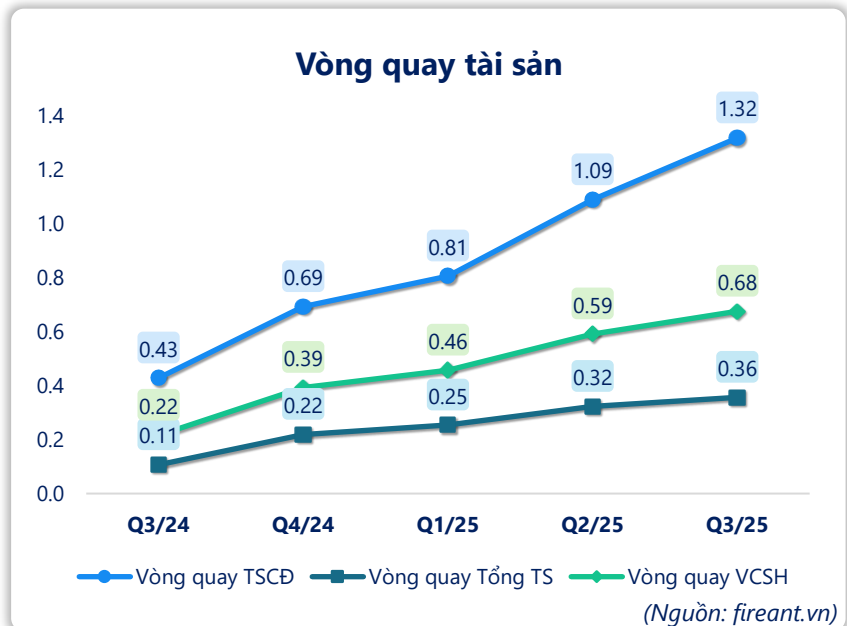
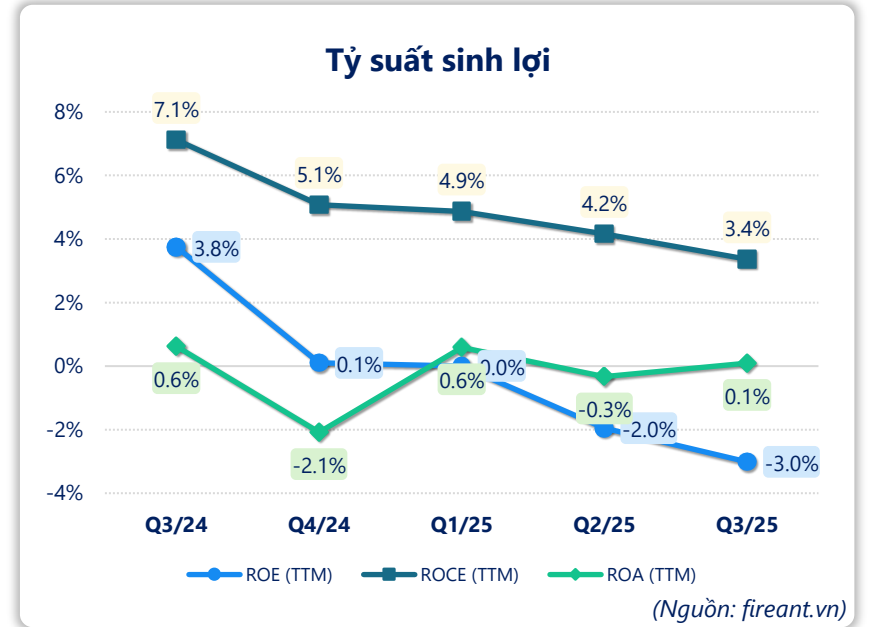
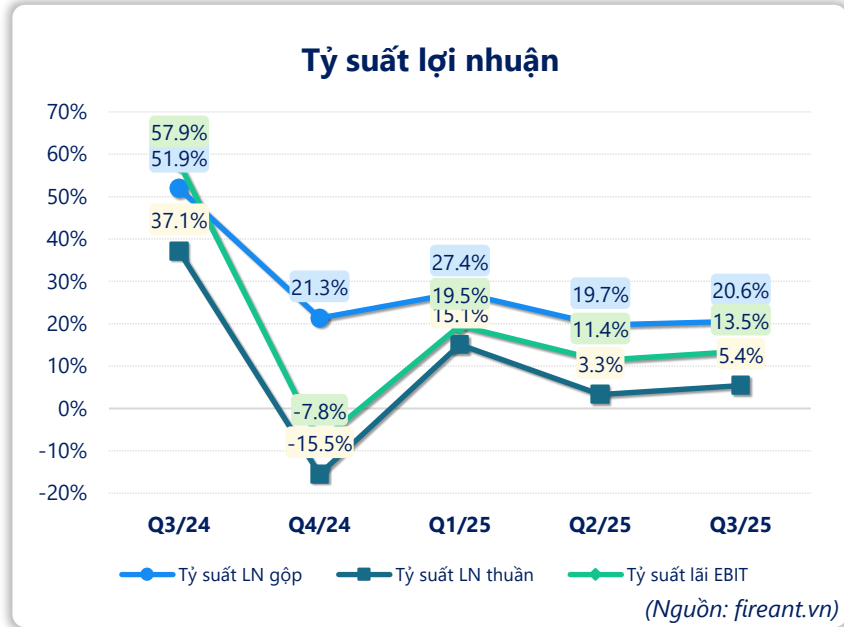
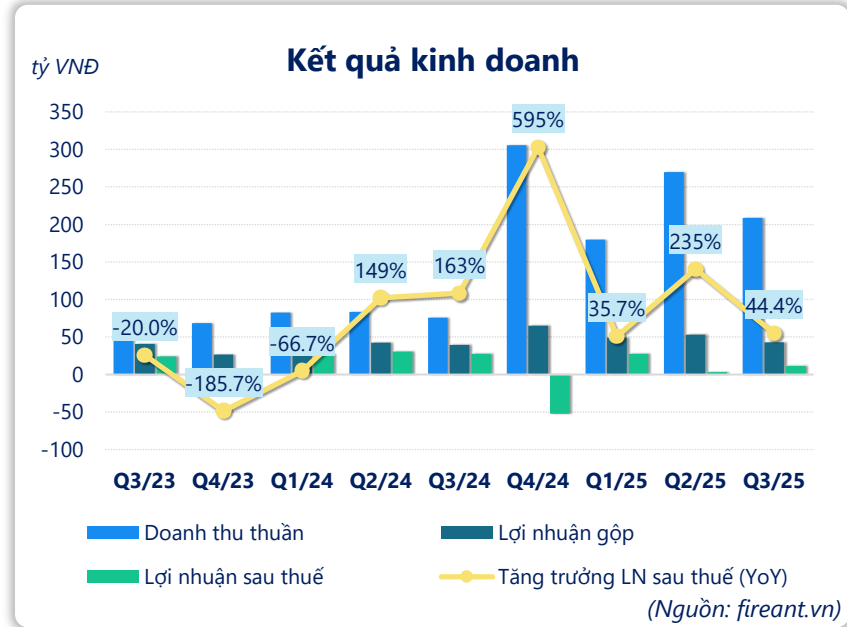


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
SL cổ phiếu LH		106,236,094
KLGD BQ 20 phiên (CP)		672,255
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		680
P/E		-15.8
EPS		-405

	YTD	1T	3T	6T
DL1	25.5%	-3.0%	-24.7%	-7.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,589	2,570	0.7%
Tài sản ngắn hạn	970	1,199	-19.1%
Tiền và tương đương tiền	87.9	152	-42.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	264	151	74.8%
Phải thu ngắn hạn	549	800	-31.4%
Hàng tồn kho	66.1	85.1	-22.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.54	10.7	-67.0%
Tài sản dài hạn	1,619	1,371	18.1%
Phải thu dài hạn	298	2.06	14320%
Tài sản cố định	759	815	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	49.1	48.8	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	295	272	8.6%
Tài sản dài hạn khác	102	86.7	17.6%
Lợi thế thương mại	116	146	-20.5%
Nợ phải trả	1,217	1,199	1.6%
Nợ ngắn hạn	594	570	4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	225	252	-10.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	199	114	75.1%
Nợ dài hạn	624	629	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	620	626	-1.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,371	1,371	0.0%
Vốn chủ sở hữu	1,371	1,371	0.0%
Vốn điều lệ	1,062	1,062	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	75.8	306	180	270	209
Giá vốn hàng bán	36.5	241	130	217	166
Lợi nhuận gộp	39.4	65.2	49.2	53.1	43.0
Doanh thu HĐTC	4.29	15.9	7.34	1.85	7.01
Chi phí TC	15.6	81.2	3.83	22.2	15.9
Chi phí lãi vay	15.6	25.3	7.07	22.7	16.9
LN trong công ty LKLD	6.87	6.17	8.05	7.63	9.54
Chi phí bán hàng	0.30	4.65	3.72	2.34	8.65
Chi phí QLDN	6.45	48.8	29.9	29.3	23.7
LN thuần từ HĐKD	28.2	-47.4	27.2	8.79	11.3
Lợi nhuận khác	0.12	-1.89	0.87	-0.88	-0.12
LN trước thuế	28.3	-49.2	28.0	7.91	11.2
Lợi nhuận sau thuế	27.4	-52.2	27.5	3.30	11.5
LNST của CĐ cty mẹ	18.1	-52.0	15.0	-8.50	2.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.7	-332	-9.75	35.1	89.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-63.5	441	-5.40	-4.11	-168
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.1	25.0	-40.1	-21.7	60.8
Tiền đầu kỳ	77.1	16.2	152	96.8	106
Lưu chuyển tiền thuần	-60.9	135	-55.2	9.29	-18.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.2	151	96.8	106	87.9

(Nguồn: fireant.vn)